TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 108/2019/DS-ST Ngày: 16/8/2019 V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phước.
2. Bà Trần Thị Thu Thanh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai, thư ký tòa án, tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2018/TLST-DS Ngày 25 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-DS Ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N – sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TC 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định.

* Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T – sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TC 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+*Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, chị Phạm Thị N là:* Ngày 30/6/2016 anh Huỳnh Thanh T có đến nhà tôi để hỏi vay một số tiền để trả ngân hàng Sacombank do đến hạn trả. Từ tài khoản của mình, tôi đã chuyển vào tài khoản của ông H (là cha anh T đã chết do tai nạn) số tiền là 351.227.795 đồng. Ngày 05/7/2016, anh T trả cho tôi được 100.000.000 đồng qua tài khoản của chị dâu của tôi là TH. Từ đó đến nay tôi đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả số tiền còn lại. Tôi có làm đơn yêu cầu công an huyện H giải quyết, anh T có thừa nhận nợ tại công an huyện H nhưng vẫn không trả nợ cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 251.227.795 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng từ tháng 6/2016 cho đến nay theo quy định của ngân hàng Sacombank.

+ *Theo trình bày của bị đơn, anh Huỳnh Thanh T là:* Năm 2015, bố mẹ tôi chết. Bố mẹ tôi còn nợ ngân hàng Sacombank 800.000.000 đồng. Cô N đã

chuyển khoản 350.000.000 đồng vào tài khoản của bố mẹ tôi để trả tiền nợ ngân hàng khi đến hạn. Số tiền còn lại tôi vay mượn để trả cho ngân hàng.

Tôi đã trả cho cô N 200.000.000 đồng, còn nợ 150.000.000 đồng. Sau đó khi bán ghe tôi trả thêm cho cô N cho đủ số tiền còn nợ cô N.

Số tiền 251.227.795 đồng mà cô N yêu cầu là tiền của bố mẹ tôi còn nợ cô N. Tôi nhận trách nhiệm trả nợ thay cho bố mẹ tôi số tiền còn nợ này. Tôi trả 125.000.000 đồng, tôi xin cô N cho tôi số tiền nợ còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền: Ngày 09/3/2018 anh Huỳnh Thanh T có viết giấy nhận nợ chị Phạm Thị N số tiền 251.227.795 đồng và hẹn đến Ngày 09/3/2019 sẽ trả đủ số tiền đã mượn. Đến thời điểm trả nợ anh T không trả ên chị N có đơn khởi kiện, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

2. Về nội dung:

[1] Khi còn sống cha anh Huỳnh Thanh T là ông H có làm ăn với chị Phạm Thị N. Năm 2015 bố mẹ anh T chết, khi chết bố mẹ anh có để lại cho anh một khoản nợ tại ngân hàng Sacombank phòng giao dịch Tam Quan. Năm 2016 anh T đến nhà chị N để vay 350.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng Sacombank cho cha mẹ anh. Việc vay mượn nợ số tiền này được anh T thừa nhận và phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Sau khi mượn tiền thì anh T đã trả cho chị N được một khoản tiền nhưng sau đó không trả nữa. Đến ngày 09/3/2018 anh Huỳnh Thanh T viết giấy xác nhận nợ tại công an huyện H, qua đó xác định còn nợ chị N số tiền 251.227.795 đồng và hẹn trả dần đến ngày 09/3/2019 trả hết nợ và trả lãi theo lãi suất của Ngân hàng Sacombank. Tại bản tự khai đề ngày 29/5/2019 và biên bản hòa giải, hòa giải thành đề Ngày 29/5/2019 anh Huỳnh Thanh T đều thừa nhận còn nợ chị N 251.227.795 đồng, nhưng xin trả 125.000.000 đồng và được chị N đồng ý. Đến ngày 04/6/2019 chị Phạm Thị N có đơn thay đổi ý kiến và yêu cầu anh T trả đủ số tiền 251.227.795 đồng.

Như vậy, có thể thấy rằng việc anh T có vay mượn tiền của chị N để trả nợ ngân hàng Sacombank và hiện còn nợ chị N 251.227.795 đồng là có thật. Từ đó đến nay anh T không trả cả gốc và lãi cho chị N, nên nay anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền còn nợ là 251.227.795 đồng là có căn cứ phù hợp với lời khai cũng như chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Về tiền lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị N không yêu cầu tính lãi suất.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của chị N được chấp nhận nên anh Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được tính: 251.227.795 đồng x 5% = 12.561.000 đồng (tròn số).

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

Buộc anh Huỳnh Thanh T trả cho chị Phạm Thị N 251.227.795 đồng đồng.

Về lãi suất: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Huỳnh Thanh T trả lãi suất.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ Ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ Ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Huỳnh Thanh T phải nộp: 12.561.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công nhà nước.

Hoàn trả cho chị Phạm Thị N 6.280.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008190 Ngày 25/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 Ngày kể từ Ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 Ngày kể từ Ngày nhận được bản án hoặc kể từ Ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự vắng mặt cư trú để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *TAND tỉnh Bình Định.*
- *VKSND h. H.*
- *Chi cục THADS huyện. H.*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Minh Thành

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Hữu Phước	**Trần Thị Thu Thanh**	**Trần Minh Thành**

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *TAND tỉnh Bình Định.*
- *VKSND h. H.*
- *Chi cục THADS huyện. H.*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Minh Thành

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *TAND tỉnh Bình Định.*
- *VKSND h. H.*
- *Chi cục THADS huyện. H.*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Minh Thành